VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2017/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2017*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha, ký tại Man-đrít ngày 18 tháng 9 năm 2015, có hiệu lực với Việt Nam kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2017.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Hải Triều

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

GIỮA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha (sau đây gọi là "các Bên");

Mong muốn duy trì và củng cố các mối quan hệ giữa hai nước;

Mong muốn thiết lập mối quan hệ hợp tác hiệu quả hơn giữa hai Bên trong việc phòng ngừa, điều tra, truy tố và xét xử tội phạm hình sự, đặc biệt trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức và khủng bố;

Mong muốn nâng cao quan hệ hợp tác và tương trợ lẫn nhau trong các vấn đề hình sự giữa hai Bên phù hợp với pháp luật của mỗi nước;

Đã thoả thuận như sau:

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG
ĐIỀU 1
PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Hiệp định này nhằm điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp giữa cơ quan có thẩm quyền của các Bên liên quan đến các vấn đề hình sự.

2. Phù hợp với quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ tư pháp rộng rãi nhất có thể trong việc phòng ngừa, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm hình sự và các hoạt động khác

về hình sự thuộc phạm vi nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu tại thời điểm đưa ra yêu cầu tương trợ.

3. Hiệp định này không áp dụng để:

a) bắt người nhằm mục đích dẫn độ hoặc theo yêu cầu dẫn độ;

b) thi hành các quyết định của tòa án hình sự, bao gồm cả việc chuyển giao người bị kết án;

c) tương trợ trực tiếp với cá nhân hay một Nước thứ ba.

4. Hiệp định này chỉ nhằm mục đích tương trợ giữa các Bên. Các điều khoản của Hiệp định không trao quyền cho bất kỳ cá nhân hoặc thể nhân nào trong việc thu thập, loại bỏ hoặc loại trừ chứng cứ hay ngăn cản việc thực hiện một yêu cầu tương trợ.

ĐIỀU 2

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Mỗi Bên chỉ định một Cơ quan trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp gửi và nhận các yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này.

2. Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Cơ quan trung ương của Vương quốc Tây Ban Nha là Bộ Tư pháp. Mỗi Bên có thể thay đổi Cơ quan trung ương đã được chỉ định và thông báo cho Bên kia qua kênh ngoại giao.

3. Vì mục đích của Hiệp định này, các Cơ quan trung ương sẽ liên hệ trực tiếp với nhau, cố gắng sử dụng công nghệ mới nhằm giải quyết các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Ngoài ra, các Bên có thể sử dụng kênh ngoại giao để chuyển hoặc nhận yêu cầu tương trợ hoặc các thông tin về thực hiện yêu cầu tương trợ trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ án.

ĐIỀU 3

PHẠM VI TƯƠNG TRỢ

Tương trợ tư pháp bao gồm:

a) xác định địa điểm và nhận dạng người;

b) tống đạt tài liệu tư pháp;

c) thu thập chứng cứ, bao gồm cả việc lấy lời khai;

d) thực hiện lệnh khám xét và thu giữ;

e) tống đạt giấy triệu tập để đạt được sự đồng thuận của người được đề nghị cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra tại Bên yêu cầu, và trường hợp người đó đang bị giam giữ thì tổ chức chuyển giao tạm thời người đó sang Bên yêu cầu;

f) khám xét, phong tỏa, thu giữ và tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;

g) chuyển giao đồ vật, bao gồm cả việc trao trả đồ vật và chứng cứ cho mượn để xuất trình tại tòa án;

h) trao đổi thông tin về tội phạm và thủ tục tố tụng hình sự tại Bên được yêu cầu;

i) trao đổi thông tin về tiền án, tiền sự của công dân của Bên kia;

j) chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

k) các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

ĐIỀU 4

TỪ CHỐI TƯƠNG TRỢ

1. Bên được yêu cầu sẽ từ chối tương trợ trong các trường hợp sau:

a) nếu yêu cầu không phù hợp với điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên và quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

b) nếu việc thực hiện yêu cầu có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hay các lợi ích chung thiết yếu khác;

c) nếu yêu cầu tương trợ liên quan đến việc truy tố một người về một tội phạm mà người đó đã bị kết án, được tuyên vô tội, được đại xá hoặc đặc xá ở Bên được yêu cầu hoặc người đó không thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu nếu tội phạm đó thực hiện trong phạm vi thẩm quyền xét xử của Bên được yêu cầu;

d) nếu hành vi liên quan đến yêu cầu không cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên được yêu cầu;

e) nếu yêu cầu liên quan đến tội phạm bị áp dụng hình phạt tử hình trên lãnh thổ của Bên yêu cầu nhưng tội phạm đó trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu không bị tuyên phạt hình phạt tử hình hoặc nhìn chung không áp dụng hình phạt này, trừ trường hợp Bên yêu cầu đưa ra cam kết mà Bên được yêu cầu thấy thỏa đáng rằng hình phạt tử hình sẽ không được tuyên, hoặc nếu tuyên thì sẽ không được thi hành.

2. Bên được yêu cầu có thể từ chối tương trợ trong các trường hợp sau:

a) nếu yêu cầu liên quan đến tội phạm có tính chất chính trị. Theo đó, tội phạm khủng bố hay bất cứ loại tội phạm nào khác mà Bên được yêu cầu có thể xem xét loại trừ khỏi nhóm tội này, căn cứ vào một Điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên không công nhận loại tội phạm đó "có tính chất chính trị";

b) nếu yêu cầu liên quan đến tội phạm theo luật quân sự mà không phải là tội phạm theo pháp luật hình sự thông thường;

c) nếu có đủ căn cứ tin rằng yêu cầu tương trợ được lập vì mục đích điều tra, truy tố hoặc xét xử một người vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch,

dân tộc, quan điểm chính trị hay giới tính, hoặc nhằm mục đích làm cho người đó bị phân biệt đối xử dưới bất cứ hình thức nào hoặc tình trạng của người đó có thể bị ảnh hưởng bởi một trong các lý do này;

d) nếu Bên yêu cầu không thể tuân thủ các điều kiện liên quan đến bảo mật hoặc hạn chế sử dụng thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều 8.

3. Bên được yêu cầu có thể hoãn tương trợ nếu việc thực hiện yêu cầu có thể cản trở hoạt động điều tra hay hoạt động tố tụng khác đang tiến hành tại Bên được yêu cầu.

4. Trước khi từ chối hoặc hoãn tương trợ theo Điều này, Bên được yêu cầu, thông qua Cơ quan trung ương:

a) phải thông báo kịp thời cho Bên yêu cầu lý do từ chối hay hoãn tương trợ; và

b) phải trao đổi với Bên yêu cầu để xác định liệu việc tương trợ có thể được thực hiện theo thời gian và với điều kiện cần thiết do Bên được yêu cầu đưa ra.

5. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ được thực hiện theo thời gian và các điều kiện quy định tại khoản 4(b) thì phải tuân thủ thời gian và các điều kiện đó.

PHẦN II

THỦ TỤC VÀ VIỆC THỰC HIỆN YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ

ĐIỀU 5

HÌNH THỨC YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ

1. Yêu cầu tương trợ phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, yêu cầu có thể được gửi qua fax, thư điện tử hay các hình thức khác đảm bảo chuyển hóa được thành văn bản thể hiện nội dung yêu cầu. Yêu cầu trong trường hợp này

phải được xác nhận bằng việc gửi văn bản yêu cầu gốc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu theo các hình thức nói trên.

2. Yêu cầu tương trợ và các tài liệu kèm theo phải được dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc tiếng Anh.

ĐIỀU 6

NỘI DUNG YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ

1. Yêu cầu tương trợ phải bao gồm các thông tin sau đây:

a) tên và thông tin liên hệ của cơ quan tiến hành điều tra hay hoạt động tố tụng liên quan đến yêu cầu;

b) mô tả về vụ án và việc điều tra hay hoạt động tố tụng, bao gồm cả tóm tắt hành vi phạm tội cụ thể có liên quan;

c) mô tả chi tiết nhất có thể các chứng cứ, thông tin hay nội dung khác cần được tương trợ;

d) nêu mục đích của yêu cầu tương trợ đối với chứng cứ, thông tin hay các nội dung khác cần thu thập và mối liên hệ của chúng với các tình tiết của vụ án đang được điều tra;

e) nêu hoặc trích dẫn điều luật có liên quan, bao gồm cả hình phạt áp dụng làm căn cứ của các hoạt động điều tra hoặc thủ tục tố tụng.

2. Khi phù hợp, yêu cầu tương trợ có thể bao gồm:

a) thông tin về nhận dạng và chỗ ở của người là đối tượng của yêu cầu;

b) mô tả mối quan hệ của người đó với hoạt động điều tra hay tố tụng, và nếu có thể, nêu rõ hình thức cần tống đạt hoặc lấy lời khai;

c) danh sách các câu hỏi đối với người làm chứng hoặc mô tả chi tiết vấn đề mà người làm chứng sẽ được thẩm vấn;

d) thông tin bằng văn bản về an toàn, chỗ ở, điều kiện đi lại, sinh hoạt phí và chi phí, thời hạn hay các điều kiện cụ thể khác liên quan đến sự có mặt của một người ở Bên được yêu cầu tại Bên yêu cầu;

e) mô tả chi tiết địa điểm hay người cần khám xét, đồ vật cần thu giữ và tài sản cần thu giữ hoặc tịch thu;

f) các yêu cầu liên quan đến bảo mật đối với yêu cầu tương trợ;

g) mô tả về thủ tục đặc biệt mà Bên yêu cầu muốn được thực hiện trong quá trình thực hiện yêu cầu;

h) danh sách những người có thẩm quyền của Bên yêu cầu sẽ tham gia vào quá trình thực hiện yêu cầu tại Bên được yêu cầu và mục đích, thời gian và lịch trình dự định;

i) thời gian cần thiết phải thực hiện yêu cầu, nếu trong trường hợp khẩn cấp thì phải nêu lý do;

j) các thông tin khác có thể tạo điều kiện thuận lợi cho Bên được yêu cầu trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

ĐIỀU 7

THỰC HIỆN YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ

1. Yêu cầu tương trợ được gửi trực tiếp đến Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải nhanh chóng thực hiện yêu cầu hoặc chuyển yêu cầu đó đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện.

2. Bên được yêu cầu phải thông báo kịp thời cho Bên yêu cầu về tình huống có thể dẫn đến việc thực hiện yêu cầu bị trì hoãn đáng kể.

3. Trong trường hợp quy định tại Điều 4, Bên được yêu cầu phải thông báo kịp thời cho Bên yêu cầu về các lý do hoãn hoặc từ chối thực hiện yêu cầu và các điều kiện để yêu cầu có thể được thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ, Bên được yêu cầu phải nỗ lực duy trì tính bảo mật theo quy định tại Điều 8.

ĐIỀU 8

BẢO MẬT VÀ HẠN CHẾ SỬ DỤNG THÔNG TIN

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải đảm bảo tính bảo mật đối với yêu cầu tương trợ, nội dung yêu cầu, các tài liệu kèm theo cũng như các hoạt động khác được thực hiện theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu không thể thực hiện được mà không vi phạm tính bảo mật thì Bên được yêu cầu phải thông báo việc này cho Bên yêu cầu để quyết định có tiếp tục yêu cầu tương trợ trong điều kiện tính bảo mật không được đảm bảo hay không.

2. Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải đảm bảo tính bảo mật đối với chứng cứ và thông tin được cung cấp trong quá trình thực hiện yêu cầu, ngoại trừ các chứng cứ và thông tin cần thiết cho hoạt động tố tụng hoặc điều tra được nêu trong yêu cầu.

3. Bên được yêu cầu có thể thực hiện yêu cầu dựa trên các điều khoản hay điều kiện cụ thể liên quan tới việc sử dụng thông tin hay chứng cứ. Trong mọi trường hợp, Bên yêu cầu không được sử dụng chứng cứ được thu thập vào mục đích khác ngoài các mục đích được nêu trong yêu cầu mà không có đồng ý trước của cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu.

ĐIỀU 9

PHÁP LUẬT ÁP DỤNG

1. Việc thực hiện yêu cầu tương trợ phải được tiến hành theo pháp luật của Bên được yêu cầu và các quy định của Hiệp định này.

2. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu, trong quá trình thực hiện yêu cầu, phải tuân thủ các trình tự, thủ tục đặc biệt được nêu trong yêu cầu nếu không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

ĐIỀU 10

THÔNG TIN VỀ YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ

1. Theo đề nghị của Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu, Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải cung cấp các thông tin về cách thức yêu cầu được thực hiện hoặc tiến độ thực hiện tương trợ.

2. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải chuyển mọi thông tin và chứng cứ thu thập được cho Bên yêu cầu.

3. Khi Bên được yêu cầu không thể thực hiện hoặc chỉ thực hiện được một phần yêu cầu, Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo kịp thời cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về việc này và các lý do kèm theo.

ĐIỀU 11

CHI PHÍ

Bên được yêu cầu phải chịu mọi chi phí thực hiện yêu cầu trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) chi phí gắn với việc chuyên chở người đến hoặc đi từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và các khoản thù lao, sinh hoạt phí, chi phí mà người đó được hưởng trong thời gian có mặt tại Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ quy định tại Điều 14 và Điều 15 Hiệp định này;

b) chi phí gắn với việc chuyên chở của nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) chi phí liên quan đến giám định;

d) chi phí liên quan đến việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu;

e) chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu khi Bên được yêu cầu đề nghị.

PHẦN III

HÌNH THỨC TƯƠNG TRỢ

ĐIỀU 12

TỐNG ĐẠT

1. Nếu mục đích của yêu cầu tương trợ là tống đạt giấy tờ tư pháp thì cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu phải thực hiện việc tống đạt nói trên theo pháp luật tố tụng của nước mình.

2. Nếu mục đích của yêu cầu tương trợ là chuyển giao đồ vật hoặc tài liệu thì cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu phải thực hiện việc chuyển giao đồ vật hoặc tài liệu nói trên do Bên yêu cầu gửi đến.

3. Việc tống đạt được thực hiện theo một trong các hình thức được quy định trong pháp luật của Bên được yêu cầu hoặc theo hình thức do Bên yêu cầu đề nghị nếu không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

4. Việc chuyển giao đồ vật hoặc tài liệu phải được xác nhận bằng biên bản giao nhận thể hiện ngày tháng và chữ ký của người nhận hoặc bằng văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nêu rõ thủ tục chuyển giao đã được thực hiện. Biên bản giao nhận hay văn bản xác nhận được gửi cho Bên yêu cầu. Trong trường hợp việc chuyển giao đồ vật, tài liệu không thể thực hiện được thì phải nêu rõ lý do.

ĐIỀU 13

SỰ CÓ MẶT TRÊN LÃNH THỔ CỦA BÊN ĐƯỢC YÊU CẦU

1. Một người đang trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu và được triệu tập để đưa ra lời khai, cung cấp chứng cứ hay kết luận giám định phải có mặt tại cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu theo pháp luật của Bên được yêu cầu. Bên được yêu cầu gửi giấy triệu tập cho người này kèm theo chế tài theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu, dưới sự kiểm soát của mình, có thể cho phép người có thẩm quyền của Bên yêu cầu được nêu trong yêu cầu tương trợ có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu và có thể cho phép họ được đặt câu hỏi. Việc lấy lời khai phải được tiến hành theo thủ tục tố tụng của pháp luật Bên được yêu cầu hoặc, không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu, theo cách thức đặc biệt do Bên yêu cầu đề nghị.

3. Trong trường hợp quy định tại khoản trên, Bên được yêu cầu, trong một thời hạn hợp lý, phải gửi cho Bên yêu cầu thông báo trước về thời gian và địa điểm tiến hành thực hiện yêu cầu tương trợ. Nếu cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham vấn với nhau thông qua Cơ quan trung ương để thống nhất về thời gian cho các cơ quan có thẩm quyền của các Bên.

4. Nếu người quy định tại khoản 1 tuyên bố có quyền miễn trừ, được hưởng đặc quyền hoặc không có năng lực hành vi theo pháp luật của Bên được yêu cầu, thì cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu phải xác định tính hợp pháp của tuyên bố đó trước khi thực hiện yêu cầu và thông báo quyết định nêu trên cho Bên yêu cầu thông qua Cơ quan trung ương.

5. Nếu người quy định tại khoản 1 tuyên bố có quyền miễn trừ, được hưởng đặc quyền hoặc không có năng lực hành vi theo pháp luật Bên yêu cầu, thì cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu về việc này thông qua Cơ quan trung ương để tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu áp dụng các biện pháp phù hợp.

ĐIỀU 14

SỰ CÓ MẶT TRÊN LÃNH THỔ CỦA BÊN YÊU CẦU

1. Nếu cơ quan tư pháp của Bên yêu cầu đề nghị sự có mặt của một người tại lãnh thổ của mình để cung cấp chứng cứ hay thông tin khác, thì đề nghị này cần được nêu rõ trong yêu cầu tương trợ. Các cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu sẽ mời người đó có mặt tại cơ quan chức năng

trên lãnh thổ của Bên yêu cầu và thông báo cho Bên yêu cầu về trả lời của người này trong thời gian sớm nhất có thể.

2. Yêu cầu triệu tập một người có mặt tại cơ quan chức năng của Bên yêu cầu phải được Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu tiếp nhận ít nhất chín mươi (90) ngày trước ngày người đó cần có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Yêu cầu triệu tập theo quy định tại Điều này có thể không kèm theo chế tài hay điều khoản xử phạt; nếu có thì các chế tài hay điều khoản xử phạt đó sẽ không có hiệu lực trong trường hợp người được triệu tập không có mặt.

4. Trong yêu cầu tương trợ, cơ quan chức năng của Bên yêu cầu phải nêu đầy đủ các chi phí mà họ phải chi trả.

ĐIỀU 15

SỰ CÓ MẶT CỦA NGƯỜI ĐANG BỊ GIAM GIỮ TẠI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA BÊN YÊU CẦU

1. Người đang bị giam giữ trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu và sự có mặt của người đó tại Bên yêu cầu là cần thiết với tư cách là người làm chứng hoặc người giám định vì mục đích tương trợ theo quy định của Hiệp định này có thể, trên cơ sở đề nghị của Bên yêu cầu, được chuyển giao đến lãnh thổ của Bên yêu cầu với điều kiện người đó tự nguyện và Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu đồng ý. Nếu người bị giam giữ không tự nguyện thì họ không phải chịu bất kỳ chế tài hay hình phạt nào.

2. Việc chuyển giao có thể bị từ chối khi người bị giam giữ đang cần thiết cho các thủ tục tố tụng hình sự trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, khi việc chuyển giao có thể làm kéo dài thời gian giam giữ hoặc vì một lý do khác mà Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu cho rằng việc chuyển giao là không phù hợp.

3. Cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu phải giam giữ người được chuyển giao trong toàn bộ thời gian người đó có mặt tại lãnh thổ của Bên yêu cầu. Thời gian người đó bị giam giữ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu sẽ được trừ vào thời hạn giam giữ mà người đó phải chấp hành. Nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu rằng người này đã hết thời hạn bị giam giữ thì người đó phải được trả tự do ngay và được đối xử như người được quy định tại Điều 14 Hiệp định này.

4. Cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu phải trao trả người được chuyển giao trong khoảng thời gian do Bên được yêu cầu xác định và, trong mọi trường hợp, khi sự có mặt của người đó tại lãnh thổ của Bên yêu cầu là không còn cần thiết.

ĐIỀU 16

LẤY LỜI KHAI QUA CẦU TRUYỀN HÌNH

Các Bên có thể thỏa thuận về việc lấy lời khai qua cầu truyền hình căn cứ vào các điều kiện trong từng vụ án cụ thể.

ĐIỀU 17

MIỄN TRỪ

1. Người có mặt tại cơ quan tư pháp của Bên yêu cầu theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Hiệp định này, bất kể người đó mang quốc tịch gì, sẽ không bị truy tố, bắt giam hay bị tước quyền tự do cá nhân trên lãnh thổ của Bên yêu cầu về hành vi hoặc kết tội xảy ra trước khi họ rời khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

2. Quy định miễn trừ tại Điều này sẽ ngừng áp dụng vào thời điểm người này có cơ hội rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu nhưng vẫn ở lại trong 15 ngày liên tiếp sau khi đã được thông báo chính thức bởi cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu rằng sự có mặt của người đó là không cần thiết nữa, hoặc người đó quay lại lãnh thổ của Bên yêu cầu sau khi đã rời khỏi.

ĐIỀU 18

TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ VÀ CÔNG CỤ, PHƯƠNG TIỆN PHẠM TỘI

1. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên, thông qua Cơ quan trung ương của mình, có thể yêu cầu xác định hay áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ, phương tiện phạm tội được phát hiện trên lãnh thổ của Bên kia.

2. Bên được yêu cầu phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với tài sản và công cụ, phương tiện nêu trên theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

3. Bên được yêu cầu, theo quy định của pháp luật nước mình, phải chịu trách nhiệm giải quyết mọi yêu cầu liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba ngay tình khi tài sản và công cụ, phương tiện này là đối tượng của các biện pháp cưỡng chế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu có thể đưa ra khoảng thời gian hợp lý để áp dụng biện pháp cưỡng chế theo đề nghị căn cứ vào từng trường hợp cụ thể.

5. Vì mục đích của Hiệp định này, tài sản do phạm tội mà có là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội; và công cụ, phương tiện phạm tội là những tài sản, công cụ, phương tiện đã, đang hoặc có ý định được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

ĐIỀU 19

TRAO ĐỔI THÔNG TIN TỰ NGUYỆN

1. Không cần yêu cầu trước, các Bên có thể trao đổi thông tin về tội phạm hình sự nếu cho rằng thông tin đó có ích cho việc khởi tố, điều tra hay thủ tục tố tụng khác.

2. Bên cung cấp thông tin có thể đưa ra điều kiện về việc sử dụng thông tin cho Bên nhận thông tin. Việc tiếp nhận các thông tin nói trên đồng nghĩa với việc Bên nhận phải tuân thủ các điều kiện được đưa ra.

ĐIỀU 20

CHUYỂN GIAO TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

1. Thông qua Cơ quan trung ương, các Bên có thể chuyển giao việc truy cứu trách nhiệm hình sự cho các cơ quan tư pháp của Bên kia khi xét thấy Bên đó có điều kiện thuận lợi hơn để tiến hành việc điều tra, truy tố và xét xử tội phạm.

2. Bên được yêu cầu phải thông báo cho Bên yêu cầu thủ tục tố tụng áp dụng đối với vụ án được chuyển giao và, nếu thấy phù hợp, gửi cho Bên yêu cầu bản sao quyết định được ban hành.

ĐIỀU 21

CHỨNG NHẬN VÀ CHỨNG THỰC

Vì mục đích của Hiệp định này, các tài liệu được chuyển giao thông qua các Cơ quan trung ương không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận, chứng thực hoặc hình thức tương tự nào khác.

ĐIỀU 22

THAM VẤN

Cơ quan trung ương của các Bên có thể tiến hành tham vấn nhằm thi hành Hiệp định này hiệu quả hơn và thống nhất các biện pháp thực tiễn cần thiết để hỗ trợ thi hành Hiệp định này.

ĐIỀU 23

GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG

Mọi bất đồng giữa các Bên phát sinh từ việc giải thích từ ngữ hay thi hành Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng tham vấn giữa các Cơ quan trung

ương. Trong trường hợp không thống nhất được giải pháp, bất đồng sẽ được giải quyết thông qua kênh ngoại giao.

PHẦN IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 24

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC HAY HÌNH THỨC HỢP TÁC KHÁC

1. Hiệp định này sẽ không cản trở các Bên trong việc tương trợ lẫn nhau theo các điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

2. Hiệp định này sẽ không cản trở các Bên trong việc tăng cường các hình thức hợp tác khác phù hợp với quy định của pháp luật của các Bên.

ĐIỀU 25

HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Các Bên sẽ thông báo cho nhau bằng công hàm ngoại giao khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật nước mình để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng bằng công hàm ngoại giao.

2. Hiệp định này được áp dụng đối với các yêu cầu sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 26

THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này có hiệu lực không thời hạn.

2. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý và theo thủ tục để Hiệp định này có hiệu lực. Văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt này có hiệu lực sau 6 tháng sau ngày thông báo. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định không ảnh hưởng đến các yêu cầu tương trợ được lập theo Hiệp định này trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Madrid vào ngày 18 tháng 9 năm 2015 thành hai bộ bằng tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau.

THAY MẶT	**THAY MẶT**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA**
NGUYỄN HÒA BÌNH	**RAFAEL CATALÁ POLO**
VIỆN TRƯỞNG	**BỘ TRƯỞNG**
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	**BỘ TƯ PHÁP**

TREATY ON MUTUAL LEGAL ASSISTANCE IN CRIMINAL MATTERS
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE KINGDOM OF SPAIN

The Socialist Republic of Viet Nam and the Kingdom of Spain (hereinafter referred to as "the Parties");

Desiring to maintain and strengthen the links that unite both countries;

Wishing to establish a more effective collaboration between the two Parties in the prevention, the investigation, the prosecution and the trial of criminal offences, particularly in the fight against organised crime and terrorism;

Desiring to improve coordination and reciprocal assistance in criminal matters between the two Parties, pursuant to the domestic laws and regulations thereof;

Have agreed as follows:

PART I
GENERAL PROVISIONS

ARTICLE 1
SCOPE OF APPLICATION

1. The purpose of this Treaty is to regulate mutual legal assistance between the competent authorities of both Parties in relation to criminal matters.

2. In accordance with the provisions of this Treaty and their respective national laws and regulations, the Parties shall provide each other with the widest form possible of legal assistance in the prevention, investigation, prosecution and trial of criminal offences and any activities within the criminal

jurisdictional order which are the competence of the competent authorities of the requesting Party at the moment when the assistance is requested.

3. This Treaty shall not be applicable to:

   a) the arrest of persons for extradition purposes or to extradition requests;

   b) the execution of criminal court rulings, including the transfer of sentenced persons;

   c) direct assistance to individuals or third States.

4. This Treaty is entered into solely for purposes of mutual assistance between the Parties. Its provisions shall not confer any right whatsoever in favour of individuals or private persons to obtain, eliminate or set aside evidence or to hinder complying with a request.

ARTICLE 2
CENTRAL AUTHORITIES

1. Each Party shall appoint a Central Authority to be responsible for sending and receiving directly the requests for assistance, pursuant to this Treaty.

2. The Central Authority of the Socialist Republic of Viet Nam shall be the Supreme People's Procuracy. The Central Authority of the Kingdom of Spain shall be the Ministry of Justice. Either Party may change the Central Authority appointed and inform the other of such change through the diplomatic channels.

3. For the purposes of this Treaty, the Central Authorities shall communicate directly between each other, endeavouring to use the new technologies, with a view to solving the problems that could arise in the course of implementing the requests for assistance.

4. The foresaid notwithstanding, the Parties may use diplomatic channels to send or receive requests for assistance or of information pertaining to the implementation thereof, whenever deemed necessary due to the special circumstances of the case.

ARTICLE 3
SCOPE OF THE ASSISTANCE

Assistance shall include:

a) locating and identifying persons;

b) effecting service of judicial documents;

c) obtaining evidence, including statement of persons;

d) executing search and seizure warrants;

e) serving notices to obtain the consent of persons to give evidence or to assist in investigations in the requesting Party, and where such persons are in custody, arranging for their temporary transfer to that Party;

f) searching, freezing, seizing and confiscating the proceeds of crime and the instrumentalities used to such ends;

g) delivering goods, including the return of objects and the loan of evidence to be produced in court;

h) exchanging information referring to offences and criminal proceedings in the requested Party;

i) exchanging information referring to the criminal records and prior convictions of citizens of the other Party;

j) transfer of criminal proceedings;

k) any other form of assistance included in the object of this Treaty and which is not contrary to the legislation of the requested Party.

ARTICLE 4
REFUSAL OF ASSISTANCE

1. The requested Party shall refuse the assistance requested in the following cases:

   a) if the request is not in conformity with international agreements to which the requested Party is a party and its domestic laws;

b) if the implementation of the request may prejudice its sovereignty, security, public order or other essential public interests;

c) if the request for assistance refers to the indictment of a person for an offence for which he was sentenced, acquitted or pardoned in the requested Party or for which he can no longer be brought to criminal prosecution by virtue of statute of limitations if such a criminal offence has been committed within the jurisdiction of the requested Party;

d) if the act or omission to which the request relates does not constitute an offence under the laws of the requested Party;

e) if the request refers to a criminal offence punished with the death penalty in the territory of the requesting Party but for which, in the territory of the requested Party the death penalty is not imposed or is generally not applied, unless the requesting Party were to provide guarantees, deemed sufficient by the requested Party, that the death penalty shall not be imposed or that, if imposed, it shall not be carried out.

2. The requested Party may refuse the assistance requested in the following cases:

a) if the request refers to an offence of a political nature. To such ends, terrorist crimes and any other offences that the requested Party may consider excluded from this category pursuant to any international Convention to which it is a party shall not be construed as "offences of a political nature";

b) if the request refers to an offence under military law which is not also an offence under ordinary criminal law;

c) if there are substantial grounds to believe that the request for assistance has been made for the purpose of investigation, prosecution or trial of a person for reason of his race, religion, nationality, ethnic origin, political opinions, or sex, or with the intention of subjecting that person to any form of discrimination whatsoever or if such a person's situation may be prejudiced due to any of these reasons;

d) if the requesting Party is unable to comply with the conditions imposed concerning confidentiality or any limitation regarding use of the material furnished under the term of Article 8.

3. The requested Party may postpone the assistance if execution of the request could interfere with an ongoing investigation or proceeding in the requested Party.

4. Prior to refusing or postponing assistance pursuant to this Article, the requested Party, through its Central Authority:

   a) shall promptly inform the requesting Party of the reasons for the refusal or postponement; and

   b) shall consult with the requesting Party to determine whether the assistance can be offered within the time frame and under the conditions deemed necessary by the requested Party.

5. If the requesting Party accepts that assistance be executed within the time frame and under the conditions laid down as per paragraph 4(b), such time frame and conditions must be honoured.

PART II
PROCEDURE AND EXECUTION OF REQUESTS

ARTICLE 5
REQUEST FORMAT

1. Requests for assistance shall be made in writing and bear the signature of the competent authority. However, in urgent cases, requests may be transmitted via fax, electronic mail or by any other means providing written proof of their content. The said requests must be confirmed with the original document within ten (10) days of their transmission.

2. Requests for assistance and all documents attached thereto shall be accompanied by a translation into the language of the requested Party or in English.

ARTICLE 6
CONTENT OF THE REQUEST

1. Requests for assistance shall contain the following information:

   a) the name and contact information of the authority conducting the investigation or proceeding to which the request relates;

b) a description of the subject matter and nature of the investigation or proceeding including a summary of the specific offence involved;

c) a description as detailed as possible of the evidence, information or any other type of assistance being requested;

d) a statement of the purpose for which evidence, information or any other type of assistance is being requested and their connection with the facts being investigated;

e) a statement or text of the relevant laws, including applicable punishment, on which the investigation or proceeding is based.

2. Where appropriate, requests for assistance may include:

a) information regarding the identity and whereabouts of the person who is the subject of the assistance requested;

b) a description of the relationship that the said person has with the investigation or proceeding and, if relevant, an indication of the form in which notification is to be served or statement taken;

c) a list of questions to be asked to the witness or a detailed description of the matter concerning which the witness is to be interrogated;

d) written information about the safety, accommodation and travel conditions, allowances and expenses, time limit and other specific conditions relating to the appearance of a person on the requested Party in the requesting Party;

e) a detailed description of the place or the person to be searched, the objects to be seized and of the assets liable to confiscation or seizure;

f) requirements concerning the confidentiality of the request;

g) a description of any special proceeding which the requesting Party would like to see followed in the execution of the request;

h) a list of the requesting Party authorities who will participate in the execution of the request in the requested Party and the purpose, intended date and schedule;

i) the time frame within which the request must be carried out and an explanation in the case of urgency;

j) any other information deemed useful for the requested Party in the execution of the request for assistance.

ARTICLE 7
EXECUTION OF THE REQUEST

1. Requests for assistance shall be sent directly to the Central Authority of the requested Party, which will promptly execute the said request or transfer it to the competent authorities for execution.

2. The requested Party shall promptly inform the requesting Party of any circumstance which could cause considerable delay in responding to the request.

3. In accordance with the provisions of Article 4, the requested Party shall likewise promptly communicate the reasons for postponement or refusal to comply with the request and the conditions under which, if relevant, it can be executed.

4. In the execution of the request, the requested Party shall make an effort to maintain confidentiality under the terms laid down in Article 8.

ARTICLE 8
CONFIDENTIALITY AND LIMITS ON THE USE OF INFORMATION

1. Upon request by the requesting Party, the requested Party shall maintain confidentiality in respect of the request for assistance, its content and supporting documents and any actions taken pursuant to the request. If the request cannot be executed without breaching the said confidentiality, the requested Party shall communicate this fact to the requesting Party who will then determine whether the request should be carried out regardless of the said breach.

2. Upon request by the requested Party, the requesting Party shall maintain confidentiality in respect of the evidence and information furnished in execution of the request for assistance, except to the extent the evidence and information is necessary for the proceeding or investigation described in the request.

3. The requested Party may make compliance with the request contingent upon specified terms or conditions relating to the use made of the information or evidence. In any case, the requesting Party shall not use the evidence obtained for any purposes other than those specified in the request without the prior consent of the competent authority of the requested Party.

ARTICLE 9
APPLICABLE LAW

1. Execution of requests for assistance shall be undertaken in accordance with the law of the requested Party and pursuant to the provisions of this Treaty.

2. Upon request by the requesting Party, the requested Party, in its execution of the request, shall adhere to the special procedures and formalities indicated in the request providing that they do not contravene its domestic law.

ARTICLE 10
INFORMATION ABOUT THE REQUEST

1. Upon request by the Central Authority of the requesting Party, the Central Authority of the requested Party shall furnish information regarding the way the request is being processed or the degree to which the request has been executed.

2. The Central Authority of the requested Party shall forward all information and evidence obtained to the requesting Party.

3. When the requested Party is unable or only partially able to comply with the request, the Central Authority of the requested Party shall promptly inform the Central Authority of the requesting Party of this circumstance and of the reasons therefor.

ARTICLE 11
EXPENSES

The requested Party shall meet the cost of fulfilling the request for assistance except that the requesting Party shall bear:

a) the expenses associated with conveying any person to or from the territory of the requested Party and any fees, allowances, expenses payable to that person whilst in the requesting Party pursuant to a request under Article 14 and Article 15 of this Treaty;

b) the expenses associated with conveying custodial or escorting officers;

c) the expenses associated with experts;

d) the expenses associated with interpreting, translating and transcription of documents and obtaining images of evidence via videoconference or other electronic means from the requested Party to the requesting Party;

e) the expenses of an extraordinary nature arising during the execution of the request as the requested Party requires.

PART III
FORMS OF ASSISTANCE

ARTICLE 12
SERVICE OF DOCUMENTS

1. If the purpose of a request is to serve notice of a judicial document, the authorities of the requested Party shall carry out the said notification in accordance with its procedural law.

2. If the purpose of a request is the delivery of objects or documents, the authorities of the requested Party shall undertake to deliver such objects or documents sent to it by the requesting Party for that purpose.

3. Notifications shall be made in one of the manners provided under the law of the requested Party or in the manner stipulated by the requesting Party provided this does not contravene the former.

4. Delivery shall be confirmed by means of a notice of receipt dated and signed by the addressee or by means of certification by the competent authority confirming that the proceeding was carried out. This certification of compliance shall be sent to the requesting Party. In the event that delivery is not possible, reasons shall be given.

ARTICLE 13
APPEARANCE IN THE REQUESTED PARTY

1. Any person who is within the territory of the requested Party and who is called upon to make a statement or testify, furnish evidence or provide an expert opinion must appear before the competent authorities of the requested Party in accordance with the law of the latter. The requested Party shall issue

a subpoena to the person in question under punitive sanctions envisaged in its legislation.

2. The competent authority of the requested Party may authorise, under its control, the presence of the authorities of the requesting Party indicated in the request during the execution of the request and may allow them to pose questions. The hearing shall be conducted in accordance with the proceedings as provided for in the law of the requested Party or, in so far as it is not inconsistent with the law of the requested Party, in the special way as requested by the requesting Party.

3. In the case envisaged in the preceding paragraph, the requested Party shall inform the requesting Party with sufficient notice as to the date and place where the requested assistance will be carried out. The competent authorities shall consult with one another as necessary through their Central Authorities for the purpose of establishing a date agreeable to the competent authorities of both Parties.

4. If the person referred to in paragraph 1 were to claim immunity, privilege or incapacity in accordance with the law of the requested Party, the competent authority of the requested Party shall decide on the validity of such claim before complying with the request and shall communicate the said decision to the requesting Party through its Central Authority.

5. If the person referred to in paragraph 1 were to claim immunity, privilege or incapacity in accordance with the law of the requesting Party, the competent authority of the requested Party shall inform the other Party of this fact through its Central Authority in order to enable the competent authorities of the requesting Party to take appropriate action.

ARTICLE 14
APPEARANCE IN THE REQUESTING PARTY

1. If the judicial authorities of the requesting Party require the appearance of a person in the territory of the requesting Party to give evidence or furnish any type of information, this should be made explicit in the request. The authorities of the requested Party shall invite the person in question to appear before the authorities in the territory of the requesting Party and shall inform the requesting Party as to the response of the person in question as soon as possible.

2. Requests to subpoena such person to appear before the authorities of the requesting Party must be received by the Central Authority of the requested

Party not less than ninety (90) days before the date on which the attendance is required in the requesting Party. In urgent cases, the requested Party may waive this requirement.

3. The subpoena requests referred to in this Article may not carry the threat of sanction nor punitive clauses; if they do, such clauses shall not take effect in the event that the person fails to appear.

4. In the request, the authorities of the requesting Party shall stipulate the costs they will cover.

ARTICLE 15
APPEARANCE OF DETAINED PERSONS BEFORE THE AUTHORITIES OF THE REQUESTING PARTY

1. Any person detained in the requested Party, and whose presence is required in the requesting Party as a witness or as an expert for the purpose of assistance under the terms of this Treaty, may, upon request of the requesting Party, be transferred to the territory of the requesting Party providing that the person in question is willing and the Central Authority of the requested Party grants its consent. If the detainee is unwilling, he/she shall not be subjected to any sanction or punitive measure.

2. The transfer may be refused when the presence of the detainee is needed in a criminal proceeding under way in the territory of the requested Party, when the transfer may entail a lengthening of the period of detention or when, for any other reason, the Central Authority of the requested Party deems the transfer inappropriate.

3. The authorities of the requesting Party shall keep the transferred person in custody the entire time he/she is in their territory. The period of time the detained person is held in the requesting Party shall be subtracted from the period of his/her imprisonment. If the authorities of the requested Party inform the other Party that the person in question should no longer remain in custody, the said person shall immediately be set free and be treated as a person referred to in Article 14 of this Treaty.

4. The authorities of the requesting Party shall return the transferred person within the time frame established by the requested Party and, in any case, when his/her presence in the territory of the requesting Party is no longer necessary.

ARTICLE 16
VIDEOCONFERENCE

The Parties may agree to the taking of statements by means of videoconference in accordance with conditions laid down on a case-by-case basis.

ARTICLE 17
IMMUNITY

1. No person under Articles 14 and 15 of this Treaty, regardless of their nationality, requested to appear before the judicial authorities of the requesting Party shall be accused, arrested or subjected to any other deprivation of their personal freedom in the territory of the said Party for events or prior convictions taking place before their departure from the territory of the requested Party.

2. The immunity provided for in this Article shall cease to apply at the moment the person in question, having had the opportunity to depart from the territory of the requesting Party, remains within the said territory for fifteen (15) consecutive days after having been officially notified by the competent authority of the requesting party that his/her presence is no longer required, or returns to the said territory after having left.

ARTICLE 18
PROCEEDS AND INSTRUMENTALITIES OF CRIME

1. The competent authority of one Party, through its Central Authority, may request the identification or the adoption of precautionary measures in respect of proceeds and instrumentalities of crime, which are found in the territory of the other Party.

2. The requested Party shall adopt the precautionary measures in respect of the said proceeds and instrumentalities of crime, as provided by its legal system.

3. The requested Party shall undertake to resolve, in accordance with its laws and regulations, any request regarding the protection of the rights of bona fide third parties in respect of the proceeds and instrumentalities of crime which are subject to the measures envisaged in the preceding paragraphs.

4. The competent authority of the requested Party may establish a reasonable time frame limiting the duration of the measure requested, depending on the circumstances.

5. For the purpose of this Treaty, proceeds of crime shall mean any property derived from or obtained, directly or indirectly, through the commission of an offence; and instrumentalities of crime shall mean any property, equipment or other instrumentalities used in or destined for use in offences.

ARTICLE 19
SPONTANEOUS EXCHANGE OF INFORMATION

1. The Parties may, without prior request, exchange information regarding criminal offences when they consider the said information to be useful in initiating or carrying out investigations or proceedings.

2. The Party providing the information may impose conditions regarding the use made of such information by the receiving Party. Acceptance of the said information means that the receiving Party shall comply with conditions imposed.

ARTICLE 20
TRANSFER OF CRIMINAL PROCEEDINGS

1. The Parties may, through their Central Authorities, transfer charges the aim of which is to initiate a proceeding before the judicial authorities of the other Party, when they consider that the said Party is in a better position to conduct the investigation, prosecution and trial of the offences.

2. The requested Party must notify the requesting Party as to the proceeding adopted in respect of the transferred charges and shall remit, where appropriate, a copy of the decision adopted.

ARTICLE 21
CERTIFICATION AND AUTHENTICATION

For the purposes of this Treaty, the documents conveyed via the Central Authorities shall not require any certification, authentication or any other analogous formality.

ARTICLE 22
CONSULTATIONS

The Central Authorities of the two Parties may hold consultations with a view to promoting the more effective implementation of this Treaty and agree on the practical measures necessary to assist in the implementation thereof.

ARTICLE 23
DISPUTE RESOLUTION

Any dispute that may arise between the Parties, arising from the interpretation or implementation of this Treaty shall be resolved by consultation between the Central Authorities. In the event no solution is reached, diplomatic channels shall be used.

PART IV
FINAL PROVISIONS

ARTICLE 24
COMPATIBILITY WITH OTHER INSTRUMENTS OR FORMS OF COOPERATION

1. This Treaty shall not prevent the Parties from assisting each other pursuant to the provisions of other international arrangements to which they are party.

2. This Treaty shall not prevent the Parties from developing other forms of cooperation, in accordance with their national laws and regulations.

ARTICLE 25
ENTRY INTO FORCE

1. Each Party shall inform the other by diplomatic note when all necessary steps under its domestic laws have been taken for entry into force of this Treaty. This Treaty shall enter into force on the thirtieth day from the date of receipt of the later diplomatic note.

2. This Treaty shall apply to requests presented after its entry into force even if the relevant act or omission occurred before entry into force of this Treaty.

ARTICLE 26
DURATION AND TERMINATION

1. The present Treaty shall have an indefinite duration.

2. This Treaty may be amended and supplemented subject to mutual consent of the Parties and in accordance with the procedure relating to the entry into force of this Treaty. Any amendment and supplement shall become an integral part of this Treaty.

3. Each of the Parties may terminate the present Treaty in writing through diplomatic channels. This termination shall take effect six (6) months after the notification date. The termination of this Treaty shall not affect requests made pursuant to this Treaty before the termination takes effect.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorised, have signed this Treaty.

Done at Madrid on the eighteenth day of September Two Thousand and Fifteen, in duplicate in the Vietnamese, Spanish and English languages, all texts being equally authentic.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

NGUYEN HOA BINH
PROCURATOR GENERAL OF THE SUPREME PEOPLE'S PROCURACY

FOR THE KINGDOM OF SPAIN

RAFAEL CATALÁ POLO
MINISTER OF JUSTICE

TRATADO SOBRE ASISTENCIA JUDICIAL MUTUA EN MATERIA PENAL ENTRE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIET NAM Y EL REINO DE ESPAÑA

TRATADO SOBRE ASISTENCIA JUDICIAL MUTUA
EN MATERIA PENAL
ENTRE
LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIET NAM
Y
EL REINO DE ESPAÑA

La República Socialista de Viet Nam y El Reino de España (en lo sucesivo denominados "las Partes");

Deseando mantener y reforzar los lazos que unen a ambos países;

Deseando establecer una cooperación más eficaz entre los dos Estados para la prevención, investigación, persecución y enjuiciamiento de delitos, especialmente para luchar contra la delincuencia organizada y el terrorismo;

Deseando mejorar la coordinación y la asistencia recíproca en materia penal entre las dos Partes, de conformidad con sus leyes y reglamentos nacionales;

Han convenido en lo siguiente:

TÍTULO I
DISPOSICIONES GENERALES

ARTÍCULO 1
ÁMBITO DE APLICACIÓN

1. El objeto de este Tratado es regular la asistencia judicial mutua entre las autoridades competentes de ambas Partes en materia penal.

2. De conformidad con las disposiciones de este Tratado y las leyes y reglamentos nacionales, las Partes se comprometen a prestarse la asistencia judicial mutua más amplia posible para la prevención, investigación, persecución y enjuiciamiento de delitos y cualesquiera actividades dentro del orden jurisdiccional penal que sean competencia de las autoridades competentes de la Parte requirente en el momento en el que se solicite la asistencia.

3. Este Tratado no será de aplicación a:

   a) la detención de personas con fines de extradición, ni a las solicitudes de extradición;
   b) la ejecución de sentencias penales, incluido el traslado de personas condenadas;
   c) la asistencia directa a particulares o a terceros Estados.

4. Este Tratado se concluye únicamente con fines de asistencia mutua entre las Partes. Sus disposiciones no conferirán a los individuos o particulares derecho alguno a obtener, eliminar o anular pruebas o a impedir el cumplimiento de una solicitud.

ARTÍCULO 2
AUTORIDADES CENTRALES

1. Cada Parte designará una Autoridad Central encargada de enviar y recibir directamente las solicitudes de asistencia con arreglo a este Tratado.

2. La Autoridad Central de la República Socialista de Viet Nam será la Fiscalía Popular Suprema. La Autoridad Central del Reino de España será el Ministerio de Justicia. Cualquiera de las Partes podrá modificar la designación de la Autoridad Central y comunicará a la otra Parte el cambio por conducto diplomático.

3. A los efectos de este Tratado, las Autoridades Centrales se comunicarán directamente, esforzándose por usar las nuevas tecnologías, a fin de resolver los problemas que puedan surgir al dar cumplimiento a las solicitudes de asistencia.

4. Sin perjuicio de lo anterior, las Partes podrán utilizar los conductos diplomáticos para enviar o recibir solicitudes de asistencia o de información relativa al cumplimiento de dichas solicitudes, siempre que se estime necesario debido a las especiales circunstancias del caso.

ARTÍCULO 3
ÁMBITO DE LA ASISTENCIA

La asistencia comprenderá:

a) la localización e identificación de personas;
b) la notificación de documentos judiciales;
c) la obtención de pruebas, incluidas las declaraciones de personas;
d) la ejecución de solicitudes de registro e incautación;
e) la práctica de notificaciones para recabar el consentimiento de personas para prestar declaración o asistencia en las investigaciones de la Parte requirente, y si dichas personas están detenidas, organizar su traslado temporal a dicha Parte;
f) la búsqueda, congelación, incautación y confiscación de productos de las actividades delictivas y de los instrumentos empleados para tales fines;
g) la entrega de bienes, incluida la restitución de objetos y el préstamo de piezas de convicción para su presentación ante los tribunales;
h) el intercambio de información relativa a los delitos y al procedimiento criminal en la Parte requerida;
i) el intercambio de información sobre antecedentes penales y condenas previas dictadas contra los nacionales de la otra Parte;
j) el traslado de procedimientos penales;

k) cualquier otra forma de asistencia incluida en el ámbito de este Tratado que no sea contraria a la legislación de la Parte requerida;

ARTÍCULO 4
DENEGACIÓN DE LA ASISTENCIA

1. La Parte requerida denegará la asistencia solicitada en los siguientes supuestos:

   a) si la solicitud no se ajusta a los acuerdos internacionales en los que es parte la Parte requerida o a su legislación nacional;
   b) si la ejecución de la solicitud pudiera perjudicar su soberanía, seguridad, orden público u otros intereses públicos esenciales;
   c) si la solicitud de asistencia se refiere al procesamiento de una persona por un delito por el que haya sido condenada, absuelta o indultada en la Parte requerida, o por el que ya no podría ser enjuiciada penalmente debido a la prescripción del delito si éste se hubiese cometido en el ámbito de la jurisdicción de la Parte requerida;
   d) si las acciones u omisiones a las que se refiere la solicitud no son constitutivas de delito conforme a la legislación de la Parte requerida;
   e) si la solicitud se refiere a un delito castigado con la pena de muerte en el territorio de la Parte requirente pero para el cual, en el territorio de la Parte requerida, no esté prevista la pena de muerte o ésta generalmente no se ejecute, a no ser que la Parte requirente ofrezca garantías, consideradas suficientes por la Parte requerida, de que no se impondrá la pena de muerte o de que, si se impone, no se ejecutará.

2. La Parte requerida podrá denegar la asistencia solicitada en los siguientes supuestos:

   a) si la solicitud se refiere a un delito de naturaleza política. A tales efectos, no tendrán la consideración de "delitos de naturaleza política" los delitos

de terrorismo ni cualesquiera otros delitos que la Parte requerida considere excluidos de dicha categoría en virtud de cualquier Acuerdo internacional del que sea Parte;

b) si la solicitud se refiere a un delito en virtud de la legislación militar que no constituye delito según la legislación penal ordinaria;

c) si existen motivos fundados para creer que la solicitud de asistencia se ha formulado para investigar, acusar o enjuiciar a una persona por causa de su raza, religión, nacionalidad, origen étnico, opiniones políticas o sexo, o con la intención de someter a esa persona a cualquier otra forma de discriminación, o si la situación de esa persona puede resultar perjudicada por cualquiera de esas razones;

d) si la Parte requirente no puede atenerse a las condiciones impuestas en materia de confidencialidad o a las limitaciones de uso del material proporcionado, en los términos del artículo 8.

3. La Parte requerida podrá aplazar la asistencia si la ejecución de la solicitud pudiese interferir con una investigación o procedimiento en curso en la Parte requerida.

4. Antes de denegar o aplazar la asistencia en virtud del presente artículo, la Parte requerida, a través de su Autoridad Central:

a) informará con prontitud a la Parte requirente de los motivos de la denegación o aplazamiento; y

b) consultará con la Parte requirente para determinar si se puede prestar asistencia en los plazos y condiciones que la Parte requerida considera necesarios.

5. Si la Parte requirente acepta que la asistencia se ejecute en los plazos y condiciones establecidos con arreglo al apartado 4), letra b), se deberán cumplir dichos plazos y condiciones.

TÍTULO II
PROCEDIMIENTO Y EJECUCIÓN DE LAS SOLICITUDES

ARTÍCULO 5
FORMA DE LAS SOLICITUDES

1. Las solicitudes de asistencia deberán formularse por escrito y llevar la firma de la autoridad competente. No obstante, en caso de urgencia, las solicitudes podrán transmitirse por fax, correo electrónico o cualquier otro medio que deje constancia escrita de su contenido, debiendo ser confirmadas por el documento original dentro de los diez (10) días siguientes a su transmisión.

2. Las solicitudes de asistencia y los documentos adjuntos a las mismas deberán ir acompañados de una traducción a la lengua de la Parte requerida o al inglés.

ARTÍCULO 6
CONTENIDO DE LAS SOLICITUDES

1. Las solicitudes de asistencia deberán contener las siguientes indicaciones:

   a) el nombre y los datos de contacto de la autoridad que lleva a cabo la investigación o el procedimiento a que se refiere la solicitud;
   b) una descripción del asunto y naturaleza de la investigación o procedimiento, que incluirá un resumen del delito concreto al que se refiere;
   c) una descripción lo más detallada posible de las pruebas, la información o cualquier otro tipo de asistencia que se interese;

d) una mención de la finalidad para la que se solicitan las pruebas, la información o cualquier otro tipo de asistencia, y su conexión con los hechos objeto de investigación;

e) la indicación de las leyes aplicables en que se fundamenta la investigación o el procedimiento, o el texto de las mismas.

2. En su caso, las solicitudes de asistencia podrán contener:

a) información relativa a la identidad y paradero de la persona a la que se refiera la asistencia solicitada,

b) descripción de la relación de dicha persona con la investigación o el procedimiento, con indicación de la forma en la que haya de practicarse la notificación o la toma de declaración, en su caso;

c) una lista de las preguntas que deban formularse al testigo o una descripción detallada del asunto sobre el que debe ser interrogado;

d) información escrita sobre la seguridad, el alojamiento y las condiciones de viaje, los gastos e indemnizaciones, el límite temporal y otras condiciones específicas relativas a la comparecencia de una persona de la Parte requerida en la Parte requirente;

e) descripción precisa del lugar o la persona que deban registrarse y de los objetos que deban embargarse, así como de los bienes sobre los que deba recaer la confiscación o embargo;

f) requisitos sobre confidencialidad de la solicitud;

g) descripción de cualquier procedimiento especial que la Parte requirente desee que se siga para la ejecución de lo solicitado;

h) una lista de las autoridades de la Parte requirente que participarán en la ejecución de la solicitud en la Parte requerida, el objeto y la fecha y horario previstos;

i) plazo en el que deberá cumplimentarse la solicitud, y las razones en caso de urgencia;

j) cualquier otra información que se estime pueda resultar útil a la Parte requerida para la ejecución de la solicitud de asistencia.

ARTÍCULO 7
EJECUCIÓN DE LA SOLICITUD

1. Las solicitudes de asistencia se enviarán directamente a la Autoridad Central de la Parte requerida, que las ejecutará con prontitud o las trasladará a las autoridades competentes para su ejecución;

2. La Parte requerida informará con prontitud a la Parte requirente de cualesquiera circunstancias que pudieran causar una demora considerable en la respuesta a la solicitud.

3. Asimismo, en los términos contemplados en el artículo 4, la Parte requerida comunicará con prontitud los motivos del aplazamiento o denegación de la solicitud, así como las condiciones en las que, en su caso, podrá ser ejecutada.

4. En la ejecución de la solicitud, la Parte requerida se esforzará por mantener el carácter confidencial, en los términos previstos por el artículo 8.

ARTÍCULO 8
CONFIDENCIALIDAD Y LÍMITES EN EL USO DE LA INFORMACIÓN

1. A petición de la Parte requirente, La Parte requerida deberá mantener la confidencialidad sobre la solicitud de asistencia, su contenido y los documentos justificativos, así como sobre cualquier actuación realizada en virtud de la misma. Si la solicitud no pudiera ser ejecutada sin quebrantar dicha confidencialidad, la Parte requerida deberá comunicarlo a la Parte requirente, la cual determinará si la solicitud debe cumplimentarse sin ese carácter.

2. A petición de la Parte requerida, la Parte requirente deberá mantener la confidencialidad de las pruebas e informaciones facilitadas en ejecución de la solicitud de asistencia, salvo en la medida necesaria para su utilización en el procedimiento o investigación para el que fueron solicitadas.

3. La Parte requerida podrá condicionar el cumplimiento de la solicitud a que la información o las pruebas se utilicen exclusivamente en las condiciones que se especifiquen. En cualquier caso, la Parte requirente no podrá usar las pruebas obtenidas para fines distintos de los especificados en la solicitud sin el consentimiento previo de la autoridad competente de la Parte requerida.

ARTÍCULO 9
LEGISLACIÓN APLICABLE

1. La ejecución de las solicitudes de asistencia se llevará a cabo con arreglo a la legislación de la Parte requerida y conforme a las disposiciones de este Tratado.

2. A petición de la Parte requirente, la Parte requerida se ajustará en la ejecución de la solicitud a los procedimientos y trámites especiales indicados en la misma, siempre que no contravengan su legislación interna.

ARTÍCULO 10
INFORMACIÓN SOBRE LA SOLICITUD

1. A solicitud de la Autoridad Central de la Parte requirente, la Autoridad Central de la Parte requerida informará en un plazo razonable sobre el trámite dado a la solicitud o el estado en que se encuentra su ejecución.

2. La Autoridad Central de la Parte requerida remitirá a la Parte requirente toda la información y las pruebas obtenidas.

3. Cuando no haya sido posible cumplir la solicitud, en todo o en parte, la Autoridad Central de la Parte requerida se lo hará saber con prontitud a la Autoridad Central de la Parte requirente, informando de las razones de dicha imposibilidad.

ARTÍCULO 11
GASTOS

La Parte requerida asumirá los gastos derivados del cumplimiento de la solicitud de asistencia; sin embargo, correrán por cuenta de la Parte requirente:

a) los gastos relacionados con el traslado de personas al territorio de la Parte requerida y desde el mismo, y todas las dietas, asignaciones o gastos que se deban pagar a esas personas durante su permanencia en la Parte requirente como consecuencia de una solicitud conforme a los artículos 14 y 15 de este Tratado;
b) los gastos relacionados con el traslado de los agentes de custodia y acompañamiento;
c) los gastos derivados de la intervención de peritos;
d) los gastos de interpretación, traducción y transcripción de documentos y de obtención de imágenes de prueba por videoconferencia u otro medio electrónico, desde la Parte requerida a la Parte requirente;
e) los gastos de naturaleza extraordinaria que se originen durante la ejecución de la solicitud, según lo solicite la Parte requerida.

TÍTULO III
FORMAS DE ASISTENCIA

ARTÍCULO 12
NOTIFICACIONES

1. Si la solicitud tuviera por objeto la notificación de un documento judicial, las autoridades de la Parte requerida practicarán la notificación en la forma prevista por su legislación procesal.

2. Si la solicitud tuviera por objeto la entrega de objetos o documentos, las autoridades de la Parte requerida procederán a la entrega de los objetos o documentos que le hubieran sido enviados por la Parte requirente para tal fin.

3. Las notificaciones se efectuarán en alguna de las formas previstas por la legislación de la Parte requerida, o en la forma establecida por la Parte requirente, siempre que no sea incompatible con dicha legislación.

4. La entrega se acreditará mediante recibo fechado y firmado por el destinatario, o mediante certificación de la autoridad competente que acredite la diligencia. La certificación del cumplimiento será enviada a la Parte requirente. Si no es posible realizar la entrega, se harán constar los motivos que impidieron la misma.

ARTÍCULO 13
COMPARECENCIA EN LA PARTE REQUERIDA

1. Toda persona que se encuentre en el territorio de la Parte requerida y a la que se le solicite prestar declaración o testimonio, presentar elementos de prueba o realizar un peritaje deberá comparecer ante las autoridades competentes de la Parte requerida de conformidad con la legislación de ésta. La Parte requerida procederá a la citación de la persona en cuestión, estableciendo las sanciones conminatorias que disponga su legislación.

2. La autoridad competente de la Parte requerida podrá permitir, bajo su supervisión, la presencia de las autoridades de la Parte requirente mencionadas en la solicitud durante la ejecución de la misma, y podrá permitirles formular preguntas. La comparecencia se desarrollará de acuerdo con los procedimientos establecidos en la legislación nacional de la Parte requerida, o de la forma específica que solicite la Parte requirente, si ello no fuese contrario a la legislación de la Parte requerida.

3. En el supuesto contemplado en el apartado anterior, la Parte requerida informará a la Parte requirente, con suficiente antelación, del lugar y la fecha en que se realizará la asistencia solicitada. Cuando sea necesario, las autoridades competentes se consultarán por medio de sus Autoridades Centrales, a efectos de fijar una fecha conveniente para las autoridades competentes de ambas Partes.

4. Si la persona referida en el apartado 1 alega inmunidad, privilegio o incapacidad con arreglo a la legislación de la Parte requerida, la autoridad competente de la Parte requerida decidirá sobre la validez de la alegación antes del cumplimiento de la solicitud, y lo comunicará a la Parte requirente por medio de la Autoridad Central.

5. Si la persona a que se hace referencia en el apartado 1 alega inmunidad, privilegio o incapacidad con arreglo a la legislación de la Parte requirente, la autoridad competente de la Parte requerida informará de ello a la otra Parte por medio de su Autoridad Central, a fin de que las autoridades competentes de la Parte requirente adopten las medidas oportunas.

ARTÍCULO 14
COMPARECENCIA EN LA PARTE REQUIRENTE

1. Si las autoridades judiciales de la Parte requirente solicitan la comparecencia de una persona en su territorio, para prestar declaración o proporcionar cualquier tipo de información, lo harán constar en la solicitud. Las autoridades de la Parte requerida invitarán a esa persona a comparecer ante las autoridades en el territorio de la Parte requirente, e informarán a la Parte requirente a la mayor brevedad de la respuesta de la persona en cuestión.

2. Las solicitudes de citación de dicha persona para que comparezca ante las autoridades de la Parte requirente deberán ser recibidas por la Autoridad Central de la Parte requerida con una antelación mínima de noventa (90) días respecto de

la fecha en la que se solicita la comparecencia en la Parte requirente. En caso de urgencia, la Parte requerida podrá dispensar del cumplimiento de este requisito.

3. Las solicitudes de citación referidas en este artículo no podrán contener intimación de sanciones ni cláusulas conminatorias; en caso de que las contengan, éstas no surtirán efecto en caso de incomparecencia.

4. En la solicitud, las autoridades de la Parte requirente deberán indicar los gastos que sufragarán.

ARTÍCULO 15
COMPARECENCIA DE PERSONAS DETENIDAS ANTE LAS AUTORIDADES DE LA PARTE REQUIRENTE

1. Cualquier persona detenida en la Parte requerida a la que se le solicite comparecer como testigo o experto en la Parte requirente, a efectos de asistencia con arreglo a este Tratado, será trasladada al territorio de la Parte requirente a petición de ésta, siempre que tanto la persona en cuestión como la Autoridad Central de la Parte requerida consientan al traslado. Si la persona detenida no consiente, no podrá ser sometida a ninguna sanción ni medida conminatoria.

2. El traslado podrá ser denegado cuando la presencia de la persona detenida sea necesaria en un proceso penal en curso en el territorio de la Parte requerida, cuando el traslado pueda implicar la prolongación de la detención, o cuando, por cualquier otro motivo, la Autoridad Central de la Parte requerida considere inconveniente el traslado.

3. Las autoridades de la Parte requirente deberán mantener a la persona trasladada bajo custodia durante todo el tiempo que permanezca en su territorio. El período de detención en la Parte requirente será descontado de la pena de prisión impuesta. Si las autoridades de la Parte requerida comunican a la otra Parte que la

persona ya no debe permanecer detenida, será inmediatamente puesta en libertad y considerada como una de las personas contempladas en el artículo 14 de este Tratado.

4. Las autoridades de la Parte requirente deberán devolver a la persona trasladada en el plazo fijado por la Parte requerida y, en todo caso, en el momento en que su presencia en el territorio de la Parte requirente ya no sea necesaria.

ARTÍCULO 16
VIDEOCONFERENCIA

Las Partes podrán convenir en la toma de declaración a través de videoconferencia, con arreglo a las condiciones que se especifiquen en cada caso.

ARTÍCULO 17
INMUNIDAD

1. Ninguna persona de las contempladas en los artículos 14 y 15 de este Tratado, sea cual fuere su nacionalidad, que fuere citada ante las autoridades judiciales de la Parte requirente podrá ser acusada, detenida ni sometida a ninguna otra restricción de su libertad personal en el territorio de dicho Estado por hechos o condenas anteriores a su salida del territorio de la Parte requerida.

2. La inmunidad contemplada en el presente artículo dejará de ser de aplicación cuando la persona, habiendo tenido la posibilidad de abandonar el territorio de la Parte requirente, permanezca en él durante quince (15) días consecutivos desde que la autoridad competente de la Parte requirente le haya notificado oficialmente que ya no se requiere su presencia, o regrese a dicho territorio después de haberlo abandonado.

ARTÍCULO 18
PRODUCTOS E INSTRUMENTOS DE LOS DELITOS

1. La autoridad competente de una Parte, por conducto de su Autoridad Central, podrá solicitar la identificación o la determinación de productos e instrumentos del delito que se encuentren en el territorio de la otra Parte o la adopción de medidas cautelares al respecto.

2. La Parte requerida adoptará las medidas cautelares sobre dichos productos e instrumentos del delito de conformidad con su ordenamiento jurídico.

3. La Parte requerida resolverá, de conformidad con sus leyes y reglamentos, cualquier solicitud relativa a la protección de derechos de terceros de buena fe sobre los productos e instrumentos del delito que sean objeto de las medidas previstas en los apartados anteriores.

4. La autoridad competente de la Parte requerida podrá disponer un plazo razonable que limite la duración de la medida solicitada, según las circunstancias.

5. A los efectos de este Tratado, se entenderá por productos del delito cualquier bien derivado u obtenido, directa o indirectamente, de la comisión de un delito; y por instrumentos del delito se entenderán cualesquiera bienes, equipos u otros instrumentos usados o destinados a su uso en la comisión de delitos.

ARTÍCULO 19
INTERCAMBIO ESPONTÁNEO DE INFORMACIÓN

1. Las Partes podrán, sin solicitud previa, intercambiarse información relativa a hechos delictivos, cuando consideren que dicha información pudiera ser útil al objeto de iniciar o conducir investigaciones o procedimientos.

2. La Parte que proporcione la información podrá imponer condiciones acerca del uso que la Parte receptora haga de la misma. Al aceptar dicha información, la Parte receptora se compromete a cumplir las condiciones impuestas.

ARTÍCULO 20
TRASLADO DE PROCEDIMIENTOS PENALES

1. Las Partes, por medio de sus Autoridades Centrales, podrán trasladar los cargos cuya finalidad sea iniciar procedimientos ante las autoridades judiciales de la otra Parte, cuando consideren que dicha Parte está en mejor posición para llevar a cabo la investigación, la persecución y el enjuiciamiento de los delitos.

2. La Parte requerida deberá notificar a la Parte requirente el procedimiento adoptado respecto de los cargos trasladados y remitirá, en su caso, una copia de la resolución adoptada.

ARTÍCULO 21
AUTENTICACIÓN Y LEGALIZACIÓN

A efectos de este Tratado, los documentos transmitidos por medio de las Autoridades Centrales no requerirán autenticación, legalización ni ninguna otra formalidad análoga.

ARTÍCULO 22
CONSULTAS

Las Autoridades Centrales de ambas Partes podrán celebrar consultas con vistas a promover la aplicación más eficaz de este Tratado y acordar las medidas prácticas necesarias para facilitar su aplicación.

ARTÍCULO 23
RESOLUCIÓN DE CONTROVERSIAS

Cualquier controversia que surja entre las Partes, relacionada con la interpretación o aplicación de este Tratado, será resuelta mediante consulta entre las Autoridades Centrales. Si no se llegara a un acuerdo, se recurrirá a la vía diplomática.

TÍTULO IV
DISPOSICIONES FINALES

ARTÍCULO 24
COMPATIBILIDAD CON OTROS INSTRUMENTOS O FORMAS DE COOPERACIÓN

1. Este Tratado no impedirá que las Partes se presten asistencia al amparo de lo previsto en otros instrumentos internacionales vigentes entre ellas.

2. Este Tratado no impedirá a las Partes la posibilidad de desarrollar otras formas de cooperación de conformidad con sus leyes y reglamentos nacionales.

ARTÍCULO 25
ENTRADA EN VIGOR

1. Cada una de las Partes informará a la otra, mediante nota diplomática, cuando se hayan adoptado todas las medidas necesarias conforme a su legislación interna para la entrada en vigor de este Tratado. Este Tratado entrará en vigor el trigésimo día a partir de la fecha de recepción de la última nota diplomática.

2. Este Tratado resultará aplicable a solicitudes presentadas tras su entrada en vigor, aun cuando la acción u omisión correspondiente haya tenido lugar antes de la misma.

ARTÍCULO 26
DURACIÓN Y TERMINACIÓN

1. Este Tratado se concluye por un periodo de tiempo indefinido.

2. Este Tratado podrá ser modificado y complementado por consentimiento mutuo de las Partes, conforme al procedimiento establecido para la entrada en vigor del mismo. Dichas modificaciones o complementos formarán parte de este Tratado.

3. Cada una de las Partes podrá denunciar el Tratado por escrito y por vía diplomática. Dicha denuncia surtirá efecto seis (6) meses después de la fecha de notificación. La denuncia de este Tratado no afectará a las solicitudes formuladas conforme al mismo antes de que la denuncia surta efecto.

EN FE DE LO CUAL, los abajo firmantes, debidamente autorizados, han firmado este Tratado.

Hecho en Madrid, el 18 de septiembre de 2015, en duplicado ejemplar en lengua vietnamita, española e inglesa, siendo todos los textos igualmente auténticos.

POR LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIETNAM

Nguyen Hoa Binh
Fiscal General de la Fiscalía Popular Suprema

POR EL REINO DE ESPAÑA

Rafael Catalá Polo
Ministro de Justicia

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng